

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HIỆU QUẢ TIẾNG VIỆT CHO HỌC VIÊN NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Lưu Thị Hồng Việt

Trường Đại học Đà Lạt
Email: vietlth@dlu.edu.vn

Article History

Received: 02/8/2020

Accepted: 25/8/2020

Published: 05/10/2020

Keywords

experience, Vietnamese language, Lao students, Dalat University.

ABSTRACT

Vietnamese is a very important module for Lao students studying at Dalat University. Vietnamese language modules help Lao students to have Vietnamese knowledge to use in daily communication, go to university, pass the exam and have the certificate level B2. There were some difficulties when we teach listening, speaking, reading and writing skill. This study is proposing some teaching methods: the methods of presentation, visualization, repeating, discussion, group work, role-playing and problem solving. Using and coordinating these methods effectively will contribute to improving the quality of Vietnamese language teaching for Lao students at Dalat University.

1. Mở đầu

Trường Đại học Đà Lạt là một trong những trường được cấp phép mở lớp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài (Bộ GD-ĐT, 2014). Tháng 6/2016, Trường đã thành lập Tổ dạy tiếng Việt để giúp việc dạy học đạt hiệu quả và chất lượng. Thành viên lớp học là học viên (HV) dự bị đại học đến từ đất nước Lào. Trước khi nhập học, HV Lào hầu như chưa biết gì về tiếng Việt nên việc dạy học của giảng viên (GV) và việc học của HV còn gặp nhiều khó khăn, như: biên soạn giáo trình phù hợp với độ tuổi; trình độ của HV; tạo cảm hứng cho người học; luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để HV thành thạo các kỹ năng này và thi đỗ chứng chỉ B2 ngay lần thi đầu tiên. Để khắc phục thực trạng này, bên cạnh sự phân công GV giảng dạy từng giai đoạn một cách phù hợp thì GV cũng phải sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học (PPDH) tiếng Việt cho người nước ngoài; đặc biệt là một số phương pháp phù hợp với đặc thù của HV Lào sẽ là yếu tố quan trọng, quyết định đến chất lượng giảng dạy.

Trên cơ sở thực tiễn dạy học tại Trường Đại học Đà Lạt, chúng tôi đã nghiên cứu và đề xuất một số PPDH tiếng Việt phù hợp với HV Lào; đây là những kinh nghiệm rất cần thiết đối với cả GV Tổ dạy tiếng Việt cũng như các HV Lào đang theo học tại nhà trường.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Thực trạng dạy học tiếng Việt cho học viên Lào tại Trường Đại học Đà Lạt

2.1.1. Mục tiêu, kế hoạch, chương trình và thời gian đào tạo

Từ những ngày đầu tiên, Tổ dạy tiếng Việt cho người nước ngoài đã nhận được sự chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Ban điều hành và Ban Giám hiệu nhà trường. Để việc dạy học tiếng Việt cho HV người nước ngoài có kết quả tốt, chúng tôi đã xác định rõ mục tiêu giảng dạy như sau: - Trang bị cho HV vốn kiến thức tiếng Việt cơ bản để sử dụng trong giao tiếp hàng ngày; rèn các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt trong nhiều môi trường giao tiếp riêng biệt; rèn kỹ năng đọc - hiểu các loại văn bản khác nhau bằng tiếng Việt, kỹ năng viết câu, các bài luận với nhiều chủ đề từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp; - Trang bị cho HV kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam để thích ứng với môi trường sinh hoạt và làm việc tại Việt Nam; - Trang bị cho HV vốn kiến thức tiếng Việt cơ bản để dự thi năng lực tiếng Việt, để dự tuyển vào các trường đại học ở Việt Nam (đặc biệt là dự tuyển vào các trường có ngành Việt Nam học, Văn hoá học, Văn học, Lịch sử, Công tác xã hội, Môi trường, Luật học...).

Dựa vào đối tượng là HV Lào và thời gian đăng kí học, kế hoạch và chương trình dạy học tiếng Việt cho HV được phân bố thời lượng phù hợp gồm: 33 tuần học, với số tiết (gồm cả thi và kiểm tra) là: 1.156 tiết. Các học phần trong chương trình gồm: *Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3, Tiếng Việt 4, Tiếng Việt 5*; việc luyện thi B2 được lồng ghép vào trong quá trình dạy các học phần tiếng Việt nêu trên. Hàng năm, các khóa học dành cho HV Lào có 9 tháng học, thời gian bắt đầu khóa học vào tháng 10 năm trước và kết thúc khóa học vào cuối tháng 6 năm sau.

2.1.2. Tài liệu, sách giáo khoa, nội dung dạy học

Nội dung dạy học chủ yếu theo nội dung được biên soạn trong bộ giáo trình Tiếng Việt cho người nước ngoài gồm 5 quyển (Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh biên soạn) tương ứng với các trình độ, như: *Tiếng Việt quyển 1 và quyển 2* (trình độ sơ cấp), *Tiếng Việt quyển 3 và quyển 4* (trình độ trung cấp), *Tiếng Việt quyển 5* (trình độ cao cấp 1). Sau khi học xong, HV sẽ tới một số trường ở TP. Hồ Chí Minh dự thi các kì thi năng lực tiếng Việt như: Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Ngoài ra, Tổ dạy tiếng Việt cho người nước ngoài cũng sử dụng các giáo trình *Tiếng Việt trình độ A* tập 1, 2 (Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, 2016); *Tiếng Việt 1, 2, 3 (Tiếng Việt cho người nước ngoài)* (Tập thể giáo viên 123VIETNAMESE, 2017); *Tiếng Việt cơ sở* (Mai Ngọc Chừ và Trịnh Cẩm Lan, 2011); *Tiếng Việt cho người nước ngoài* (Dana Healy, 2014). Hệ thống bài tập thực hành luôn được GV quan tâm để rèn luyện các kĩ năng và tư duy lặp lại, khả năng vận dụng tiếng Việt vào thực tế của người học. Ngoài những bài tập tự soạn, chúng tôi cũng sử dụng các bài tập trong nhiều tài liệu tham khảo khác.

2.1.3. Số lượng đội ngũ giảng viên, học viên, trình độ giảng viên

- Về đội ngũ: Tổ dạy tiếng Việt cho người nước ngoài của Trường Đại học Đà Lạt có 8 GV được tuyển chọn kĩ từ các khoa; đây là đội ngũ GV trẻ, nhiệt huyết và nhiều kinh nghiệm. Trình độ GV gồm: có 2 tiến sĩ và 6 thạc sĩ.

Đề giảng dạy tiếng Việt cho HV Lào có hiệu quả, chất lượng cao, Tổ dạy tiếng Việt đã mở lớp bồi dưỡng cho GV về phương pháp, kĩ năng dạy học tiếng Việt; tổ chức các buổi giao lưu trao đổi kinh nghiệm dạy học tiếng Việt với Trung tâm Việt Nam học và tiếng Việt cho người nước ngoài của Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TP. Hồ Chí Minh). Từ đó, các GV của Tổ được nâng cao về kiến thức, phương pháp, kĩ năng... trong quá trình dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài.

- Số lượng HV: từ năm 2016-2020, Trường Đại học Đà Lạt có 17 HV Lào. Các HV được UBND tỉnh Lâm Đồng cấp học bổng học khóa học tiếng Việt và học đại học; Trường Đại học Đà Lạt hỗ trợ nơi ở, điện, nước, mạng Internet... trong suốt thời gian học tại Trường. Trường Đại học Đà Lạt và UBND tỉnh Lâm Đồng đã và đang góp phần vào việc phát triển mối quan hệ đoàn kết giữa Việt - Lào nói chung, tỉnh Lâm Đồng với 2 tỉnh Champasak và Bolikhamsai nói riêng.

Từng khóa học có số lượng HV cụ thể như sau: năm học 2016-2017, khóa học có 2 HV; năm học 2017-2018, khóa học có 5 HV; năm học 2018-2019, khóa học có 5 HV; năm học 2019-2020, khóa học có 5 HV. Trong những năm học tới, tỉnh Lâm Đồng tiếp tục tuyển chọn và cấp học bổng cho HV Lào sang học tiếng Việt và học đại học tại Trường Đại học Đà Lạt.

2.1.4. Một số kết quả đạt được và những khó khăn trong quá trình dạy học tiếng Việt cho học viên Lào

Mặc dù thời gian dạy học tiếng Việt cho HV Lào mỗi khóa chỉ có 9 tháng nhưng kết quả dạy học của Tổ dạy tiếng Việt, Trường Đại học Đà Lạt được thể hiện rõ nét qua khả năng tiếng Việt trong giao tiếp thực tế của HV. Kết quả kết thúc từng học phần và kết quả thi chứng chỉ B1, B2 của HV trong kì thi năng lực tiếng Việt đạt được là: - Khóa học 2016-2017 có 1 HV đạt chứng chỉ B2, 1 HV đạt chứng chỉ B1; - Khóa học 2017-2018 có 3 HV đạt chứng chỉ B1, 2 HV đạt chứng chỉ A2; - Khóa học 2018-2019 có 1 HV đạt chứng chỉ B2, 2 HV đạt chứng chỉ B1, 2 HV đạt chứng chỉ A2; Khóa học 2019-2020 có 2 HV dự thi kì thi năng lực tiếng Việt: 1 HV đạt chứng chỉ B2, 1 HV đạt chứng chỉ A2.

Các HV tuy cùng một lớp nhưng có trình độ và độ tuổi khác nhau nên việc dạy học của GV gặp nhiều khó khăn. HV học khá cần nội dung bài học có mức độ khó cao hơn, những HV tiếp thu chậm hơn cần thiết kế bài học dễ hơn; từ đó yêu cầu PPDH cho từng đối tượng cũng phải khác nhau. HV Lào học tại Trường Đại học Đà Lạt rất chăm chỉ nhưng hay “rập khuôn máy móc” trong quá trình học, sự sáng tạo còn hạn chế.

Theo quy định, từ năm học 2018-2019, các HV cần có chứng chỉ B2 để đủ điều kiện tuyển vào đại học nên các em phải đi lại nhiều lần từ Đà Lạt đến TP. Hồ Chí Minh để tham dự kì thi năng lực tiếng Việt. Ngoài ra, do mới được thành lập nên Tổ dạy tiếng Việt chưa biên soạn và xuất bản bộ giáo trình riêng, GV và HV chủ yếu sử dụng bộ giáo trình do Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh biên soạn và một số giáo trình khác nên có những bài học chưa phù hợp với trình độ, năng lực tiếp nhận của HV, sinh viên Lào học tại Trường.

2.2. Một số phương pháp dạy học hiệu quả tiếng Việt cho học viên Lào tại Trường Đại học Đà Lạt

2.2.1. Phương pháp thuyết trình

- *Khái quát về phương pháp*: Hiện nay, thuyết trình là một trong những phương pháp truyền thống được sử dụng trong mọi bậc học, cả trong quá trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Phương pháp này được hiểu là “PPDH bằng lời nói sinh động của giáo viên để trình bày một tài liệu mới hoặc tổng kết những tri thức mà học sinh đã thu

lượng được một cách có hệ thống. Phương pháp thuyết trình thể hiện dưới hình thức giảng giải, giảng thuật và diễn giảng phổ thông” (Vũ Hoa Tươi, 2013, tr 6). Những điểm tích cực trong phương pháp thuyết trình được các GV vận dụng có chọn lọc, phù hợp với bộ môn.

- *Cách thức triển khai:* Phương pháp thuyết trình giúp GV cung cấp đến HV lượng kiến thức lớn và cùng lúc có thể chuyên tải thông tin đến nhiều HV; các thông tin được GV chọn lọc, sắp xếp phù hợp với trình độ người học; HV dễ dàng hiểu được GV đang truyền đạt nội dung gì... Phương pháp này chủ yếu được sử dụng khi dạy học phần hội thoại, bài đọc và ghi chú. Trong phần hội thoại, bài đọc, GV sẽ giải thích nghĩa của các từ mới, nghĩa của từng câu trong hội thoại, giải thích về chủ đề và nội dung chính của bài hội thoại. Bài học được thiết kế có độ khó tăng dần, vì vậy, GV thường sử dụng các vốn từ HV đã có được để giải thích những từ mới, nội dung mới. Từ đó, HV vừa học lại, nghe lại từ cũ vừa hiểu được nghĩa của từ mới, nội dung của bài học mới. Phần ghi chú chính là phần ngữ pháp của bài được thống kê rõ ràng; nhiệm vụ của GV là phân tích, giải thích cho HV nắm rõ thêm các điểm ngữ pháp tiêu biểu của bài học.

- *Đánh giá:* Nếu như phương pháp thuyết trình sử dụng để dạy học sinh viên đại học, GV sẽ sử dụng trong một thời gian dài, có thể liên tục trong 2 tiết hoặc 4 tiết nhưng khi áp dụng trong dạy học tiếng Việt cho HV Lào thì thời gian sử dụng không kéo dài liên tục vì sẽ làm HV mệt mỏi, khó tiếp nhận và áp lực. Khi HV đã hiểu, đã nhớ, GV sẽ sử dụng phương pháp khác để dạy các phần tiếp theo trong bài học. Tuy nhiên, khi sử dụng phương pháp này cũng sẽ gặp phải một số hạn chế, như: nếu không được GV sử dụng khéo léo sẽ gây cho HV mệt mỏi; lượng thông tin GV cung cấp quá nhiều cũng làm cho HV lo lắng, khó tiếp thu; những HV có khả năng học ngoại ngữ kém khó theo kịp tiến độ bài học và tạo sự phân biệt lớn với các HV khác... Để khắc phục những hạn chế này, GV phải chọn những nội dung thật sự cần thiết, lượng thông tin vừa phải, sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, ngữ điệu tự nhiên, gần gũi, có độ trầm, bổng phù hợp, góp phần tạo hứng thú học tập cho HV.

- *Ví dụ minh họa:* Phương pháp thuyết trình có thể áp dụng khi dạy hội thoại, từ vựng, ngữ pháp và các chủ đề viết. Khi dạy về ngữ pháp, ví dụ trong câu có động từ “*làm*”:

+ Ví dụ 1: *Đạo này anh làm gì? Tôi đang làm tài xế ở Công ty Du lịch Việt Nam.*

+ Ví dụ 2: *Anh làm nghề gì? Tôi làm bác sĩ, hoặc: Tôi là bác sĩ* (Nguyễn Văn Huệ, 2015, tr 77).

Để HV hiểu được nghĩa của từ động từ “*làm*”, trước hết, GV phải giải thích được: động từ “*làm*” thường được dùng để hỏi hay trả lời về nghề nghiệp; một số trường hợp có thể dùng “*là*” thay cho “*làm*” (như trên).

Khi dạy về địa điểm, nơi chốn, các từ hay được GV dùng để hỏi như: “*đâu, ở đâu*”. Để HV hiểu được nội dung câu hỏi, GV phải dùng phương pháp thuyết trình, chẳng hạn: “*Đâu*” là từ dùng để hỏi về địa điểm, nơi chốn; “*Ở đâu*” là kết hợp giới từ “*ở*” và từ nghi vấn “*đâu*”, thường được dùng sau một số động từ như “*làm việc*”, “*học*”, “*sống*”. Để giúp HV phân biệt về cách sử dụng các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất, số nhiều: “*chúng tôi*”, “*chúng ta*”, GV sẽ nói rõ: “*chúng tôi*” là đại từ nhân xưng không bao gồm người nghe, nhưng “*chúng ta*” thì được dùng để nói đến cả người nghe... Cuối cùng, để nắm rõ HV hiểu bài hay không, GV sẽ yêu cầu HV lấy ví dụ một số câu có động từ “*làm*”. HV lấy ví dụ đúng nghĩa là GV sử dụng phương pháp thuyết trình đạt kết quả, nếu HV chưa thể lấy ví dụ, GV cần kết hợp các PPDH khác.

2.2.2. Phương pháp trực quan

- *Khái quát về phương pháp:* “*Phương pháp trình bày trực quan là phương pháp sử dụng những phương tiện trực quan, phương tiện kỹ thuật dạy học trước, trong và sau khi nắm tài liệu mới trong khi ôn tập, củng cố, hệ thống hóa và kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo. Phương pháp trình bày trực quan thể hiện dưới hai hình thức minh họa và trình bày (...)* Quan sát là sự tri giác có chủ đích, có kế hoạch tạo khả năng theo dõi tiến trình và sự biến đổi diễn ra trong đối tượng quan sát...” (Vũ Hoa Tươi, 2013, tr 11). Áp dụng phương pháp này, GV có thể tự chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp; sử dụng phương tiện dạy học hiện đại để hỗ trợ, kích thích sự tò mò, tăng khả năng quan sát, chú ý của HV. Phương pháp này giúp GV truyền tải nội dung và HV nắm bắt nội dung bài học nhanh hơn.

- *Cách thức triển khai:* Tại Trường Đại học Đà Lạt, các GV dạy tiếng Việt đã kết hợp phương pháp thuyết trình và phương pháp trực quan. GV sử dụng những phương tiện trực quan, các hình ảnh có sẵn trên mạng Internet, chọn lựa và đưa vào slide trình chiếu cho HV nhận diện; GV còn sử dụng những tờ giấy khổ A0, A1, A2 để vẽ hình ảnh minh họa; sử dụng những đồ vật mà GV hoặc HV có sẵn, những đồ vật thật để dạy học trực tiếp. Phương pháp này chủ yếu được áp dụng khi dạy tiếng Việt trình độ sơ cấp nhằm nâng cao khả năng quan sát, chú ý, nhận biết và khả năng ghi nhớ. Đến tiếng Việt trung cấp và cao cấp sẽ sử dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề nhiều hơn.

- *Đánh giá:* Phương pháp này cũng tồn tại một số hạn chế như: nếu GV lạm dụng, sử dụng quá nhiều hình ảnh minh họa sẽ hạn chế khả năng phân tích, tư duy của HV, làm họ lười biếng, không tự tìm tòi, học trước các từ mới.

Dùng quá nhiều hình ảnh minh họa sẽ hạn chế phân giảng giải của GV cũng như làm cho HV bị giảm cơ hội được luyện kỹ năng nghe.

- *Ví dụ minh họa*: Phương pháp này thường xuyên được GV sử dụng trong quá trình dạy tiếng Việt ở trình độ sơ cấp: khi dạy về các đồ dùng học tập, GV sẽ chuẩn bị một số đồ dùng liên quan đến học tập và đưa từng thứ ra trước người học, sau đó phát âm rõ ràng tên của từng đồ dùng đó (cái bút, quyển vở, lọ mực, cái thước...). HV dễ dàng nhận diện được đó là cái gì và phát âm như thế nào. Hay khi dạy về các loại trái cây, GV chuẩn bị sẵn một số trái cây và dạy HV nhận diện, phát âm; phương pháp này giúp HV học và hiểu từ mới rất nhanh, tăng cảm hứng cho HV khi học. Đối với những nội dung dạy học nói về sự dịch chuyển của mỗi người mà HV không thể quan sát trực tiếp thì GV có thể lấy hình ảnh từng phương tiện giao thông (mạng internet) đưa vào các slide trình chiếu cho HV nhận diện. Sau đó, GV tắt các slide và cho HV có khoảng thời gian nhất định để nhớ được tên của các phương tiện giao thông đã học và phát âm lại, viết lại. Đối với những GV có khả năng vẽ thì khi dạy về các sự vật, đồ vật, GV có thể vẽ lên bảng, lên giấy khổ lớn những sự vật đó; cách này sẽ kích thích sự tò mò của HV và tạo không khí vui vẻ trong giờ học.

2.2.3. Phương pháp lặp lại

- *Khái quát về phương pháp*: Đây là phương pháp GV lặp lại các kiến thức cần dạy, HV lặp lại các kiến thức đã học, các kiến thức cần học. Phương pháp này giúp HV nhớ, hiểu hơn và sử dụng kiến thức đó hiệu quả. Mỗi lần lặp để ghi nhớ một tập thông tin nên được giãn cách nhau ra; thời gian giữa các lần lặp là một vấn đề rất quan trọng, đòi hỏi tính khoa học cao. Khoảng cách lặp quá gần thì HV vẫn nhớ và nhắc lại thông tin đó nhưng mang tính bị động và sự ghi nhớ đó cũng không bền vững với thời gian; còn nếu khoảng cách quá dài lại làm HV dễ quên kiến thức đã học và cả GV, HV sẽ mất thêm thời gian để dạy lại, học lại.

- *Cách thức triển khai*: Trước khi học bài mới, GV kiểm tra bài cũ, nghĩa là GV đang áp dụng phương pháp lặp lại. GV sẽ đưa ra một số từ đã học, yêu cầu HV ghi lại, phát âm lại hoặc lấy ví dụ về những từ đó, nếu HV lấy được ví dụ đúng là HV đã nhớ và hiểu về từ đã học ở bài trước; còn HV không lấy được ví dụ là không nhớ và không hiểu. Từ đó, GV dễ dàng nắm được tình hình học tập của mỗi HV và giảng giải lại cho HV hiểu bài.

Trong quá trình học phát âm các từ mới, phương pháp lặp lại được thực hiện như sau: GV phát âm trước, HV nghe và phát âm theo. Sau đó, GV chọn một HV phát âm đúng nhất sẽ thay mình phát âm các từ cho cả lớp nghe và cả lớp sẽ phát âm theo HV đó. HV được chọn phát âm mẫu sẽ thấy rất vui và tự hào, các HV còn lại cũng lấy đó là động lực để cố gắng nhiều hơn. Mỗi lần học phát âm các từ mới, HV được lặp lại tối thiểu là 3 lần: lần 1 phát âm theo GV; lần 2 là phát âm theo bạn; lần 3, từng bạn phát âm cho cả lớp và GV nghe. Phần hội thoại và bài đọc cũng được tiến hành tương tự. Phương pháp lặp lại yêu cầu GV và HV phải kiên trì, lắng nghe và nhiệt tình (GV nhiệt tình sửa lỗi sai cho HV, HV nhiệt tình học hỏi).

Đối với phần dạy nghe, GV luôn tận dụng ưu thế của phương pháp lặp lại để luyện cho HV nghe tốt. Nếu lần 1, lần 2, HV chưa nghe được thì tiếp tục cho HV nghe lần 3, lần 4 và GV sẽ đưa ra đáp án đúng. Hôm sau, trước khi học bài mới, GV sẽ mở bài nghe cũ cho HV nghe lại 1 lần để kiểm tra, nắm được khả năng nghe của HV... Các bài luyện viết câu, viết thư, viết bài luận, GV sẽ soạn một số bài tập để HV được làm lại từng dạng bài tập để nhớ từ, nhớ cách thức viết và huy động vốn từ để hoàn thành bài tập.

- *Đánh giá*: Trong quá trình dạy học tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy phương pháp lặp lại rất dễ áp dụng và mang lại hiệu quả cao. Sự lặp lại sẽ giúp HV nhớ được các từ, nội dung bài học nhanh nhất. Phương pháp lặp lại được áp dụng cho mọi kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.

- *Ví dụ minh họa*: Trong Bài 7 có ngữ pháp: “*Không ai... gì...*” (Nguyễn Văn Huệ, 2004, tr 78). GV đưa ra câu hỏi: *Có ai muốn làm gì không?* và câu trả lời: *Không ai muốn làm gì cả.* Sau đó, GV giảng cho HV nắm rõ cách sử dụng ngữ pháp này và yêu cầu HV lấy ví dụ. Mỗi HV đặt 3 câu có ngữ pháp “*không ai... gì...*”. Đến tiết dạy kỹ năng nói, GV yêu cầu HV chuẩn bị bài nói về thời gian rảnh rỗi của bản thân, trong bài nói GV yêu cầu HV sử dụng câu có ngữ pháp “*Không ai... gì...*”. Với phương pháp lặp lại, HV sẽ nhớ và biết cách sử dụng ngữ pháp này.

2.2.4. Phương pháp dạy học theo nhóm

- *Khái quát về phương pháp*: Theo nghĩa khái quát: “*Dạy học nhóm là một hình thức tổ chức hoạt động dạy học mang tính xã hội, lớp học được cấu thành bởi các nhóm nhỏ cùng thực hiện các nhiệm vụ trên cơ sở phân công và cộng tác làm việc trong khoảng thời gian xác định. Kết quả làm việc nhóm được từng nhóm giới thiệu và cả lớp đánh giá*” (Nguyễn Hải Thập, 2017, tr 346). Phương pháp này nhấn mạnh vai trò quan trọng của mỗi thành viên trong quá trình làm việc nhóm, các thành viên trong nhóm biết được sự phụ thuộc lẫn nhau, mỗi thành viên trong nhóm tự ý thức được phải cố gắng hết mình không phải chỉ vì thành tích cá nhân mà còn vì thành công của cả nhóm. Số thành

viên trong nhóm là yếu tố quan trọng, quyết định đến chất lượng làm việc của nhóm, theo các nhà nghiên cứu: “Số người trong mỗi nhóm từ 3-7 người là tốt và hợp lý, số người lý tưởng là 3 người/nhóm đơn giản, nhất trí cao. Số người 4-7 người phức tạp, nhiều ý (lớn hơn 7 người là nhóm lớn) ... nhóm hình thành theo từng buổi, hoặc học kì; nhóm theo buổi các thành viên hăng say, nhóm theo học kì để liên kết, hợp tác cũng dễ mệt mỏi” (Nguyễn Văn Tuấn, 2007, tr 121).

- *Cách thức triển khai*: Do HV học tiếng Việt tại Trường Đại học Đà Lạt có số lượng ít nên việc phân nhóm được GV tiến hành theo buổi. Thành viên trong mỗi nhóm được thay đổi từng buổi học để có cơ hội được học cùng tất cả các bạn trong lớp, nên hiểu nhau và giúp đỡ nhau nhiều hơn. Ở trình độ sơ cấp, các HV được GV giao việc cụ thể: cùng nhau làm bài tập, thực hành nói, tìm hiểu nghĩa của các từ mới, tìm hiểu nội dung bài đọc, hội thoại... Đến trình độ trung cấp, cao cấp, GV đưa ra các chủ đề và gợi ý HV làm sáng tỏ chủ đề ấy. HV của từng nhóm phải thảo luận và thống nhất về nội dung, sau đó 1 bạn trong nhóm hoặc từng bạn trong nhóm sẽ trình bày kết quả thảo luận của nhóm trước lớp; 1 nhóm trình bày, 1 nhóm sẽ lắng nghe để phản biện/bổ sung thêm cho bài của nhóm bạn hoàn thiện, đầy đủ. Khi được học theo nhóm, các HV có tinh thần thi đua và ý thức giúp đỡ bạn bè cao hơn.

Ngoài những giờ giảng trên lớp, GV cần thiết kế những buổi học nhóm tại thư viện nhằm tạo môi trường học tập phong phú, đa dạng. Ở đây, HV dễ dàng mượn tài liệu, được sử dụng máy tính, được tiếp xúc, trao đổi thường xuyên với sinh viên Việt Nam, giao tiếp với các GV khác trong trường. Từ đó, HV trở nên năng động, tự tin hơn khi giao tiếp bằng tiếng Việt; nâng cao tính trách nhiệm với bản thân cũng như với các thành viên trong nhóm.

- *Đánh giá*: PPDH theo nhóm là một trong những PPDH tích cực, bởi GV sẽ hướng dẫn HV tự nghiên cứu cá nhân, tổ chức thảo luận nhóm (giúp HV hợp tác với bạn trong nhóm), tổ chức thảo luận lớp (giúp HV hợp tác với bạn trong lớp), đưa ra nhận xét, đánh giá đối với từng nhóm (giúp HV tự đánh giá, tự điều chỉnh)...; nhưng khi áp dụng phương pháp này vào thực tế cũng tồn tại những hạn chế nhất định. Để khắc phục hạn chế, đòi hỏi GV phải kiên nhẫn, giúp HV hoàn thiện các kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, ứng xử, lắng nghe, tiếp thu và phản biện...) để việc dạy học theo nhóm của GV, việc học theo nhóm của các HV thành công tốt đẹp.

- *Ví dụ minh họa*: Trong *Giáo trình Tiếng Việt 3*, phần đầu tiên của mỗi bài học là phần giới thiệu, sau khi GV dạy HV đọc - hiểu bài giới thiệu, nắm rõ những ngữ pháp cơ bản trong bài, tùy từng bài học, GV sẽ tiến hành cho HV làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề theo các bước sau:

+ *Bước 1. Xác lập nhóm*: GV phân lớp học thành 2 nhóm và đưa ra vấn đề để HV làm việc: “Theo bạn, khi đi du lịch trọn gói có thể gặp những điểm bất lợi hoặc thuận lợi gì? Còn khi đi “du lịch ba lô”, bạn thấy có những gì thuận lợi hoặc bất lợi? Ở Việt Nam, bạn thích đi du lịch theo kiểu nào?” (Nguyễn Văn Huệ, 2004, tr 121).

+ *Bước 2. Triển khai thảo luận trong nhóm*: GV quy định thời gian 20 phút cho HV làm việc nhóm để tìm ra câu trả lời đúng, đầy đủ. HV làm việc, thảo luận trong nhóm. Các nhóm có thể bầu ra nhóm trưởng, cử người ghi chép lại các ý kiến thảo luận để giúp nhóm làm việc hiệu quả.

+ *Bước 3. HV báo cáo kết quả thảo luận trước lớp*: Các thành viên của nhóm trình bày kết quả trước lớp theo hình thức thuyết trình. Nhóm 1 nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm 2 về kỹ năng trình bày, nội dung trình bày và ngược lại. Sau đó, GV đưa ra kết luận, đánh giá kết quả làm việc của từng nhóm. Kết luận của GV sẽ là động lực giúp các nhóm học tốt hơn, phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, thiếu sót.

2.2.5. Phương pháp đóng vai

- *Khái quát về phương pháp*: Đây là phương pháp GV giao cho HV đóng vai một nhân vật nào đó trong bài hội thoại, bài viết thư, một nhân vật nào đó trong một tác phẩm văn học liên quan đến nội dung bài học, hay trong một tình huống cụ thể diễn ra trong cuộc sống cần giải quyết...

- *Cách thức triển khai*: Bài hội thoại thường được thiết kế có từ 2 nhân vật trở lên, sau khi GV đọc mẫu cho các HV đọc theo, GV gọi từng cặp HV nhập vai và đọc đúng từ, đúng câu, đúng ngữ điệu của nhân vật trong bài. Phương pháp đóng vai được thực hiện theo 2 cấp độ: + HV đọc đúng theo nhân vật trong bài hội thoại mẫu; + HV nhớ các từ, các mẫu câu quan trọng của bài hội thoại và kết hợp linh hoạt với các từ, các mẫu câu khác đã học để tự xây dựng một hội thoại mới và hoàn thành hội thoại đó.

- *Đánh giá*: Phương pháp đóng vai luôn tạo cho HV cơ hội phát triển tư duy và có thể hỗ trợ nhau học tập tốt hơn. Phương pháp này đem đến không khí thoải mái, dễ chịu trong giờ học, tăng cường tinh thần đoàn kết... Khi HV đóng vai, GV quan sát và đánh giá năng lực của từng HV; qua đó, GV sẽ hiểu rõ hơn tính cách, tâm lý của HV. Tuy nhiên, GV không nên sử dụng phương pháp này thường xuyên trong các buổi học, mà chỉ sử dụng khi HV có vốn

từ ngữ phong phú, nắm chắc ngữ pháp, có kỹ năng nghe, nói tốt vì khi HV chưa đạt đến trình độ nhất định sẽ làm mất nhiều thời gian và ảnh hưởng đến tiến độ dạy học của GV, ảnh hưởng đến không khí chung của buổi học.

- *Ví dụ minh họa:* Trong Giáo trình giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, phần hội thoại được thiết kế là phần học đầu tiên, khi học phát âm, HV được GV phân vai, dưới đây là một ví dụ cụ thể về đoạn hội thoại với các nhân vật có tên gọi cụ thể:

Thủy: Chào anh Bình. Lâu quá không gặp anh.

Bình: Chào Thủy. Lâu quá không gặp. Thủy đi đâu đấy?

Thủy: Em đi buôn điện.

Bình: Đạo này Thủy làm gì?

Thủy: Em làm ở Công ty Du lịch Sài Gòn..." (Nguyễn Văn Huệ, 2015, tr 103).

Với bài hội thoại trên, ở mức đóng vai đơn giản: GV sẽ gọi 2 HV đứng trước lớp đọc bài hội thoại, 1 HV sẽ đóng vai Thủy, 1 HV sẽ đóng vai Bình và đọc hết bài hội thoại. Để HV phát âm tốt các câu trong bài hội thoại, GV sẽ yêu cầu 2 HV đổi vai cho nhau và đọc hội thoại lần 2. Ở mức nâng cao hơn, GV sẽ cho các HV thời gian nhất định để HV ghi nhớ được các mẫu câu mới trong bài hội thoại, sau đó cho HV tự nghĩ ra một hội thoại mới dựa vào hội thoại có sẵn. HV không cần nhìn sách, tự nghĩ ra vai mới rồi nhập vai hỏi nhau những câu đã học, những câu mới học, mới nhớ. Hầu hết HV rất thích thú cách học này vì vừa được học vừa được chơi mà hiệu quả cao và rèn được 2 kỹ năng chính là nghe và nói.

Phương pháp đóng vai thông qua hội thoại được các GV áp dụng từ *Tiếng Việt 1* đến *Tiếng Việt 5*. Tuy nhiên, các bài hội thoại mẫu trong các giáo trình được GV chọn lọc kỹ, phù hợp với năng lực, trình độ của HV. Phương pháp này được nâng dần lên mức cao hơn như dạy tiếng Việt qua những tác phẩm văn học, chủ yếu là văn học dân gian để hiểu thêm về văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần của Việt Nam, như truyện: *Cây tre trăm đốt, Cây khế, Sự tích trầu cau, Cây bưởi đào...* HV sau khi hiểu tác phẩm, nắm rõ từng nhân vật sẽ được GV phân vai, HV nhập vai và diễn xuất trước lớp. Những kiến thức sau khi đóng vai sẽ giúp HV tự tin hơn trong các kì thi năng lực tiếng Việt.

2.2.6. Phương pháp nêu, giải quyết vấn đề

- *Khái quát về phương pháp:* Đây là PPDH gọi cho HV phát hiện vấn đề, đặt ra trước HV các vấn đề nhận thức có chứa đựng mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết, chuyển HV vào tình huống có vấn đề, kích thích HV chủ động, tích cực giải quyết vấn đề. Dạy học giải quyết vấn đề gồm 3 mức độ: + GV xây dựng các tình huống có vấn đề, định hướng cho HV giải quyết bằng các câu hỏi gợi mở; + GV đặt vấn đề, gợi mở và dẫn dắt HV vào tình huống đó, làm xuất hiện nhu cầu giải quyết ở HV, đồng thời định hướng và tổ chức cho HV giải quyết vấn đề; + HV tự nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

- *Cách thức triển khai:* Phương pháp này thường được áp dụng khi dạy đến trình độ trung cấp, cao cấp (trung ứng với học phần Tiếng Việt 3, Tiếng Việt 4 và Tiếng Việt 5) và áp dụng với các bài học theo chủ đề như: văn hóa, giáo dục, kinh tế, giao thông, môi trường... GV xây dựng các tình huống có vấn đề, đưa ra những vấn đề cụ thể, gợi mở cho HV tìm ra câu trả lời, có cách giải quyết vấn đề hợp lý; GV không đưa ra câu trả lời sẵn để HV phải tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu.

- *Đánh giá:* Khi áp dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề với HV Lào học tiếng Việt tại Trường Đại học Đà Lạt, các GV gặp một số khó khăn vì từng HV có thể làm tốt bước tự học, tự nghiên cứu và mỗi cá nhân có thể phát hiện ra vấn đề, đưa ra cách giải quyết vấn đề riêng phù hợp với trình độ nhận thức của mình, nhưng khi làm việc theo nhóm lại không hiệu quả bởi trong nhóm có những HV học yếu hơn, cá tính, không muốn bạn giảng giải cho mình hoặc không theo kịp những HV khá, dẫn đến mất nhiều thời gian, kết quả không đồng đều. Chỉ khi các nhóm có các HV có trình độ khá, giỏi ngang nhau thì làm việc nhóm sẽ giúp HV rút ngắn thời gian giải quyết vấn đề, dễ dàng hơn trong việc lựa chọn phương án tối ưu.

- *Ví dụ minh họa:* Khi dạy về chủ đề môi trường, GV sẽ gợi ý cho HV phát hiện ra vấn đề: môi trường trên thế giới hiện nay đang bị ô nhiễm; từ đó, tiếp tục gợi mở cho HV tìm ra câu trả lời vì sao môi trường bị ô nhiễm và đưa ra một số giải pháp giảm ô nhiễm môi trường. Hoặc khi dạy chủ đề về nông thôn, thành phố, GV gợi ý để HV Lào phát hiện vấn đề: *Ở Lào, nông thôn và thành phố có sự khác biệt, đó là những khác biệt gì?* GV gợi ý cho HV giải thích được vì sao có sự khác biệt đó.

Để HV nâng cao khả năng phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề, Tổ dạy tiếng Việt của Trường đã sắp xếp những buổi ngoại khóa, giúp HV hứng thú với việc học tiếng Việt và mạnh dạn hơn khi đưa ra các nhận định về vấn đề cần giải quyết. Những buổi ngoại khóa, GV có thể đưa HV đi mua sắm, tham quan để có cơ hội thực hành tiếng Việt, luyện các kỹ năng nghe, nói. Ngoài ra, GV cũng áp dụng trong các buổi ngoại khóa tại thư viện của trường để tìm

hiểu thêm về lịch sử tiếng Việt, tìm tài liệu, đọc hiểu, ghi chép lại các nội dung quan trọng và trình bày nội dung cho GV nghe, nhận xét, đánh giá.

3. Kết luận

Trường Đại học Đà Lạt rất quan tâm đến việc dạy học văn hóa và tiếng Việt cho người nước ngoài. Mặc dù, Tổ dạy tiếng Việt cho người nước ngoài mới được thành lập nhưng đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Các GV luôn có trách nhiệm, không ngừng nâng cao kiến thức và áp dụng có hiệu quả các PPDH. Mỗi PPDH nêu trên đều có ưu điểm và hạn chế. Vì vậy, GV dạy tiếng Việt cho HV Lào tại Trường đã kết hợp nhiều PPDH khác nhau trong từng bài học, buổi học một cách hiệu quả. Bằng sự nhiệt tình, kinh nghiệm dạy học, sự vận dụng khéo léo các phương pháp, GV dạy tiếng Việt đã giúp HV Lào có trình độ tiếng Việt để học lên bậc học cao hơn (bậc đại học); giúp các HV Lào có thể thi đỗ chứng chỉ B2 ngay lần thi đầu tiên trong kì thi năng lực tiếng Việt. Động lực đó sẽ giúp các GV dạy học tiếng Việt tại Trường Đại học Đà Lạt tiếp tục nghiên cứu sâu thêm về những PPDH tiếng Việt cho HV Lào nói riêng, HV người nước ngoài học tiếng Việt nói chung và hi vọng trong những năm tới, Nhà trường sẽ tuyển sinh được nhiều HV nước ngoài tham gia khóa học tiếng Việt và theo học đại học, sau đại học tại Trường Đại học Đà Lạt.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2014). *Công văn số 7409/BGDĐT-GDĐT về việc cho phép Trường Đại học Đà Lạt mở lớp đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài.*
- Dana Healy (2014). *Tiếng Việt dành cho người nước ngoài.* NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- Mai Ngọc Chừ, Trịnh Cẩm Lan (2011). *Tiếng Việt cơ sở.* NXB Phương Đông.
- Nguyễn Hải Thập (2017). *Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính hạng II.* NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Hạnh, Phạm Văn Quang (2019). *Hoạt động đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh Lào tại các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La - Thực trạng và những vấn đề đặt ra.* Tạp chí Giáo dục, số 451, tr 61.
- Nguyễn Văn Huệ (2004). *Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài,* tập 4. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Văn Huệ (2015). *Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài,* tập 1. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Văn Tuấn (2007). *Giáo trình Phương pháp giảng dạy* (lưu hành nội bộ). Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tập thể giáo viên 123VIETNAMESE (2017). *Tiếng Việt 123 (tiếng Việt dành cho người nước ngoài).* NXB Thế giới.
- Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển (2016). *Giáo trình Tiếng Việt trình độ A (dành cho người nước ngoài),* tập 1, 2. NXB Thế giới.
- Vũ Hoa Tươi (2013). *Cẩm nang nghiệp vụ sư phạm: Đổi mới phương pháp dạy học hiệu quả và những giải pháp ứng xử trong ngành giáo dục hiện nay.* NXB Tài chính.